

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2024/HC-PT

Ngày: 29 - 5 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Cường
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Chí Công
	Ông Đinh Phước Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Quách Hoà Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 58/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 904/2024/QĐ-PT ngày 6 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Đức T: Ông Nguyễn Tấn X, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện B, vắng nhưng có Văn bản số 1542/UBND-NC ngày 22/5/2024, xin xét xử vắng mặt, do Chủ tịch UBND Nguyễn Tường D ký.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B: Ông Nguyễn Minh H - Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ trụ sở: 395 Phạm Văn Đ, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

Địa chỉ trụ sở: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Bích V, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Anh Bùi Đức G, sinh năm: 2013;

- Anh Bùi Đức L, sinh năm: 2015;

Người đại diện hợp pháp của anh G, anh L: Ông Bùi Đức T, sinh năm: 1980 (cha ruột); địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Ông Nguyễn T1, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Bùi Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:**

Sau khi UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 1522/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 thì UBND huyện B có ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung đợt 3 cho ông Bùi Đức T số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 nhưng ông T không đồng ý với bản kê chi tiết giá trị bồi thường bổ sung đợt 3 này. Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất có làm bản kê chi tiết bồi thường bổ sung đợt 4, đợt 5 mời ông T họp đưa cho xem nhưng ông cũng không đồng ý, 2 lần này không có ban hành quyết định bồi thường, còn quyết định bồi thường lần đầu và lần 2 không có ban hành, chỉ có ký ban hành quyết định bồi thường bổ sung đợt 3, đợt 6 và giao cho ông T, ông T được biết dự án tuyến đường qua nhà, đất của ông là phần mở rộng phát sinh sau này chứ không phải trong quy hoạch và trong phương án bồi thường đã được phê duyệt ngày 31/12/2014 nên Trung tâm P và UBND huyện B phải trả giá như mua bán bất động sản chứ không giống như trường hợp nhà nước thu hồi đất.

Cơ sở pháp lý thực hiện dự án mà ông T biết được như sau: Ngày 30/9/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Q ký Quyết định số 1448/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V1, nguồn vốn đầu tư là vốn ngân sách nhà nước từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, thời gian thực hiện dự án từ năm 2011 - 2015 (kể từ khi được bố trí vốn thực hiện đầu tư). Ngày

31/12/2014, UBND huyện B ký Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 2815/QĐ-UBND cho những hộ bị ảnh hưởng trong dự án, trong phương án bồi thường này hộ gia đình ông không ảnh hưởng, không nằm trong quy hoạch dự án, vì ngày 31/7/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất Dung Quất mới tiến hành phát phiếu kiểm kê cây cối, hoa màu trên đất của ông và kiểm kê sau ngày phê duyệt phương án bồi thường.

Ngày 28/9/2016, UBND huyện B mới ký Quyết định thu hồi đất của số 1522/QĐ-UBND nhưng không giao cho ông biết, mãi đến ngày 30/7/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất Dung Q mới giao cho ông Quyết định thu hồi đất cùng với Quyết định bồi thường bổ sung đợt 6 số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021.

Tại Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh Q đã loại dự án này không thông qua danh mục dự án chuyển tiếp thu hồi đất năm 2015 sang năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, dự án không thuộc trường hợp Nhà nước cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Nên dự án không có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện B mà UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 15/3/2016. Dự án tuyến đường này đã liệt kê vào danh mục loại bỏ các công trình dự án của năm 2015 không tiếp tục thực hiện trong năm 2016 của huyện B tại (phụ biểu 03) kèm theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 15/3/2016; nên dự án không được bố trí vốn đầu tư phát triển tại Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Q về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, năm 2016 UBND huyện B ký ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của ông là không có căn cứ, vi phạm Điều 63 Luật Đất đai.

Về nguồn gốc thửa đất số 77 là ông mua của vợ chồng ông Nguyễn T1 cùng thôn, thửa đất số 95 là của cha mẹ ông tạo lập từ năm 1979 đến năm 1998 giao cho ông sử dụng quản lý hợp pháp, nên ông kê khai và UBND huyện B ra quyết định thu hồi đất, bồi thường để tên ông Bùi Đức T.

Thửa 77, diện tích 103m² tờ bản đồ số 3, chỉ có cây trồng trên đất, không có nhà cửa vật kiến trúc. Vào cuối năm 2016, Trung tâm phát triển quỹ đất không mời ông để nhận tiền, mà lại mời mẹ ông là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, ở cùng địa chỉ với ông đi nhận tiền bồi thường và mẹ ông không am hiểu pháp luật nên bà đã nhận tiền bồi thường thửa này, mặc dù bà không có đứng tên trong hồ sơ thu hồi đất, bồi thường và ông cũng không có ủy quyền cho mẹ ông để nhận tiền thay, về mẹ ông kể lại sự việc nên ông rất bức xúc trước việc làm của cán bộ Trung tâm quỹ đất D. Nếu được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là hủy các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường thì ông sẽ hoàn trả lại khoản tiền mà mẹ ông đã nhận là 18.079.482 đồng cho chủ đầu tư.

Do đó, ông Bùi Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T, xã B.

- Hủy Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 UBND huyện B về việc bồi thường bổ sung cho hộ Bùi Đức T, xã B (có kèm theo giá trị bồi thường bổ sung đợt 3).

- Hủy Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đợt 6 cho hộ ông Bùi Đức T, xã B.

*** *Tại Văn bản số 3991/UBND-NC ngày 22/12/2022, số 3105/UBND-NC ngày 14/8/2023, người bị kiện* UBND huyện B *trình bày:***

- Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Bùi Đức T:

Hộ ông Bùi Đức T có đất đai, tài sản nằm trong phạm vi thực hiện dự án tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm P1, xã B đã được UBND huyện thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án tại Thông báo số 195/TB-UBND ngày 16/10/2012.

Ngày 31/12/2014, UBND huyện B đã ban hành quyết định số 2815/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các trường hợp thống nhất phối hợp công tác kiểm kê, áp giá bồi thường. Đối với 23 trường hợp còn lại các hộ dân chưa thống nhất phối hợp trong công tác kiểm kê bồi thường, trong đó có hộ ông Bùi Đức T. Sau đó, ông Bùi Đức T đã phối hợp cùng Trung tâm P (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B), UBND xã B và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện kiểm kê vào ngày 30/7/2015 (ông Bùi Đức T đã ký xác nhận kết quả kiểm kê).

Trên cơ sở xác nhận của UBND xã B về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất, thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc trên thửa đất số 77 và thửa đất số 95, tờ bản đồ số 68, xã B (bản đồ 2014) và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm P lập, UBND huyện B đã ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 với tổng diện tích thu hồi 1472,6m² trong đó:

+ Thu hồi 103m² thuộc thửa 77, tờ bản đồ số 03 (bản đồ dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/4/2016), loại đất trồng cây lâu năm (CLN).

+ Thu hồi 1369,6m² thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 03 (bản đồ dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/4/2016), loại đất trồng cây lâu năm (CLN).

Ngày 28/9/2016, UBND huyện B ban hành quyết định số 2093/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung giá trị, bồi thường hỗ trợ và GPMB dự án: Tuyến đường nối Trung tâm phía Bắc và N thành phố V (đợt 3), trong đó có hộ ông Bùi Đức T.

UBND huyện B đã bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 584.558.244 đồng tại Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 (giá trị bồi thường, hỗ trợ là 380.966.245 đồng) và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 (giá trị bồi thường, hỗ trợ là 203.591.999 đồng).

Đối chiếu với quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất thì UBND huyện B thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Đức T là đảm bảo quy định của pháp luật.

Đối với việc chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị C được TTPTQĐ huyện B chi trả tiền bồi thường đối với diện tích 24m² thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 3, xã B, thửa đất này đã được bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C (mẹ ông T) tại quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/10/2016. Riêng đối với thửa đất số 77, 95 hiện ông T chưa thống nhất nên chưa nhận và được TTPTQĐ huyện B chuyển trả lại cho Ban Q2 và các khu Công nghiệp T.

Nên việc ông Bùi Đức T khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 và 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 là không có cơ sở.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích V trình bày:** Bà và ông T đã ly hôn năm 2017, tài sản là các thửa đất 77, 95 mà ông T đang khởi kiện bà không có liên quan gì. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến trình b:** Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 68, xã B (bản đồ 2014) là vợ chồng ông đã bán cho ông Bùi Đức T, Nhà nước thu hồi, bồi thường thì ông T được hưởng theo quy định, ông không có khiếu nại hay tranh chấp gì.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B quá trình tham gia tố tụng không nêu ý kiến trình bày mà chỉ cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.**

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt nhưng có gợi ý kiến trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T, xã B.

- Hủy Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện B về việc bồi thường bổ sung cho hộ Bùi Đức T, xã B (có kèm theo giá trị bồi thường bổ sung đợt 3).

- Hủy Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện B về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ đợt 6 cho hộ ông Bùi Đức T, xã B - đợt 6.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Bùi Đức T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện ông Bùi Đức T không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, huỷ các Quyết định hành chính bị khởi kiện.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 10/7/2022, ngày 20/9/2022 và ngày 29/11/2022, ông Bùi Đức T khởi kiện, khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy:

- Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T, xã B.

- Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 về việc bồi thường bổ sung cho hộ Bùi Đức T, xã B (có kèm theo giá trị bồi thường bổ sung đợt 3).

- Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đợt 6 cho hộ ông Bùi Đức T, xã B.

[2.1] Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính bị kiện, thấy rằng:

Dự án tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm P1, xã B, huyện B được Chủ tịch UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011. Ngày 16/10/2012, UBND huyện B đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 195/TB-UBND, trong đó thông báo thu hồi đất đối với thửa đất số 77, 95, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/4/2016) được đo đạc chỉnh lý biên tập từ tờ bản đồ số 68, 69, 76 xã B. Sau khi ban hành Thông báo số 195, ngày 09/7/2014, UBND xã B đã tiến hành họp lấy ý kiến các hộ dân có đất bị thu hồi, tiến hành xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, trong đó có hộ ông Bùi Đức T tại hai thửa đất số 95, 77, tờ bản đồ số 68 (bản đồ 2014), xã B.

Trên cơ sở đề nghị của Ban Q3 (nay là Ban Q2) tại Công văn số 195/PTĐT ngày 16/5/2016, UBND xã B tại T số 50/TTr-UBND ngày 10/5/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B tại Tờ trình số 818/TTr-TNMT ngày 15/9/2016. UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Bùi Đức T; Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Bùi Đức T (đợt 3) và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Bùi Đức T đều cho rằng, đối với Dự án tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm P1, xã B không được Hội đồng nhân dân tỉnh Q thông qua danh mục công trình, dự án được chuyển tiếp thu hồi đất từ năm 2015 sang năm 2016, dự án này UBND tỉnh Q liệt kê vào danh mục loại bỏ các công trình dự án của năm 2015 không tiếp tục thực hiện trong năm 2016 của huyện B, thể hiện theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 15/03/2016. Tuy nhiên, tại Công văn số 4096/UBND-NNTN ngày 29/7/2016 (BL-263), trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 152/HĐND-KTNS ngày 22/7/2016 về bổ sung công trình vào danh mục các công trình phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất khu Tây bắc V giai đoạn 3 (điều chỉnh), xã B, UBND tỉnh Q đã thống nhất bổ sung các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2016 các huyện, thành phố; theo Công văn số 4096 nêu trên thì Dự án tuyến đường nối trung tâm phía Bắc và Nam thành phố P1, huyện B được bổ sung vào danh mục công trình, dự án, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của UBND huyện B.

Do đó, nhận thấy việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND, Quyết định số 3349/QĐ-UBND và Quyết định số 484 đối với hộ ông Bùi Đức T là đúng trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 22, các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 74, 75, và Điều 79 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét về nội dung của các Quyết định hành chính bị khởi kiện.

[2.2.1] Về nguồn gốc đất:

Thửa đất 77, tờ bản đồ số 3, xã B (bản đồ địa chính được Sở T4 thẩm định ngày 29/4/2016) diện tích 130m², theo bản đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg, sổ mục kê đất thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 7, xã B,

diện tích 32.000m², loại đất LNK, quy chủ cho Hợp tác xã; theo bản đồ địa chính năm 2001, trang sổ địa chính thuộc thửa đất 508, tờ bản đồ số 23, diện tích 138m², loại đất LNK, quy chủ cho ông Nguyễn T1; theo bản đồ địa chính năm 2015 thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 68, diện tích 48.805m², loại đất giao thông (DGT). Năm 2005, vợ chồng ông Nguyễn T1 chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Đức T.

Thửa đất **95**, tờ bản đồ số 3, xã B (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 29/4/2016) diện tích 3.293m², theo bản đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg, sổ mục kê đất thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 7, xã B, diện tích 44.000m², loại đất LNK, quy chủ cho Hợp tác xã; theo bản đồ địa chính năm 2001 thuộc thửa đất 541, tờ bản đồ số 23, diện tích 3199m², loại đất LNK, quy chủ cho ông Bùi Văn A; theo bản đồ địa chính năm 2007 thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 68, diện tích 3293m², loại đất LNK, quy chủ cho bà Nguyễn Thị C; theo bản đồ địa chính năm 2015 thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 68, diện tích 1620m², loại đất CLN, quy chủ cho bà Nguyễn Thị C. Ngày 07/10/1998, cha mẹ ông là ông Bùi Văn A, bà Nguyễn Thị C và anh em của ông đã tặng cho ông toàn bộ diện tích của thửa đất 95.

[2.2.2] Ngày 30/9/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1448/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V1. Ngày 16/10/2012, UBND huyện B ban hành Thông báo thu hồi đất số 195/TB-UBND của tổ chức hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án. Ngày 31/12/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2815/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V1 (đợt 3 - Khu vực xã B và xã B). Sau đó, ngày 15/3/2016, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của UBND huyện B tuy nhiên do nguồn vốn đầu tư nên UBND tỉnh Q1 đã không đưa dự án nêu trên để tiếp tục thực hiện trong năm 2016 của UBND huyện B. Ngày 29/7/2016, thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Q tại Công văn số 152/HĐND-KTNS ngày 22/7/2016 về việc bổ sung công trình vào danh mục các công trình phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa tỉnh Quảng Ngãi năm 2016, UBND tỉnh Q ban hành Công văn số 4096/UBND-NNTN bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của các huyện, thành phố, theo đó, UBND tỉnh Q đã bổ sung dự án tuyến đường nối trung tâm phía Bắc và N thành phố V (địa điểm xã B, B, B).

Ngày 09/7/2014, Ủy ban nhân dân xã B tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên Tổ công tác và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi, theo biên bản trên thì ông T được xác định hộ ông Bùi Đức T có thửa đất 95 do ông Bùi Văn A (cha ông T) sử dụng từ năm 1980, năm 1998 để lại; UBND xã đã thống nhất đề nghị thu hồi đất của ông T, loại đất LNK. Ngày 30/7/2015, ông Bùi Đức T cùng Trung tâm P (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B), UBND xã B đã tiến hành kiểm kê tài sản trên đất đối với hai thửa đất số 77, 95, tờ bản đồ số 68, xã B, loại đất được kiểm kê là CLN và ông T ký xác nhận vào biên bản. Trên cơ sở

xác nhận của UBND xã B về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất, thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc trên thửa đất số 77, 95, tờ bản đồ số 68 (bản đồ năm 2014) và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B lập. Ngày 28/9/2016, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T đối với thửa đất 77, thửa đất 95, cùng loại đất CLN, cùng tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính được Sở T4 thẩm định ngày 29/4/2016). Ngày 28/9/2016, UBND huyện B ban hành quyết định số 2093/QĐ-UBND phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V1 (đợt 3), xã B và ngày 19/10/2016, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 3349/QĐ-UBND về việc bồi thường, bổ sung cho hộ ông Bùi Đức T, theo đó, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo phương án được duyệt là 380.966.245 đồng (trong đó bồi thường về đất là 176.712.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc 84.351.245 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu 119.903.000 đồng) và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T đợt 6 với tổng số tiền 203.591.999 đồng (bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà cửa, vật kiến trúc và công trình khác).

Như vậy, dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn T2 là dự án giao thông, mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; căn cứ theo khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND thu hồi diện tích 103m², loại đất CLN, thuộc thửa đất 77 và diện tích 1369,6m², loại đất CLN xã Bình Trị thuộc thửa đất 95, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính được Sở T4 thẩm định ngày 29/4/2016) để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V1 của hộ ông Bùi Đức T là đúng quy định pháp luật.

[2.2.3] Theo ông Bùi Đức T trình bày, đối với thửa đất 95 nêu trên UBND huyện B thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho ông là không đúng với hiện trạng sử dụng đất, loại đất, thửa đất 95 của gia đình ông đã làm nhà ở từ năm 1998, xây dựng nhiều vật kiến trúc kiên cố trên đất, ông cũng đã nộp thuế đất phi nông nghiệp theo như nội dung đơn ngày 20/01/2016 được cơ quan thuế huyện B xác nhận nên phải xác định loại đất thu hồi tại thửa đất số 95 đối với ông phải là đất phi nông nghiệp, việc xác định loại đất CLN là không đúng quy định. Đồng thời các tài sản trên thửa đất 95 ông xây dựng hợp pháp từ năm 1998 nhưng việc áp giá bồi thường theo Quyết định số 3349 chỉ có 20% và 0% là gây thiệt hại cho ông; còn đối với thửa đất số 77 ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn T1, UBND huyện B thu hồi, bồi thường thì ông hoàn toàn thống nhất.

Như đã nhận định ở trên, thửa đất 95, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính được Sở T4 thẩm định ngày 29/4/2016) là do cha mẹ ông là ông Bùi Văn A, bà Nguyễn Thị C sử dụng từ trước năm 1980, theo bản đồ 299/TTg thửa đất này thuộc một phần thửa đất 50, tờ bản đồ số 7, xã B là loại đất LNK được quy chủ cho Hợp tác xã. Quá trình sử dụng đất, đo đạc bản đồ địa chính năm 2001, 2007 và năm 2015 xã B thì thửa đất 50 nêu trên biến động thành thửa đất 95, tờ bản đồ số 68, loại đất CLN, thửa đất chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng

đất cho vợ chồng ông Bùi Văn A cũng như sau năm 1998, ông A, bà C tặng cho ông T thì ông T cũng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất thì vào ngày 15/3/2010, 12/10/2010, UBND xã B lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính của UBND xã B đối với ông Bùi Đức T vì có hành vi sử dụng đất sai mục đích, làm lều quán trái phép trên đất nông nghiệp, khai thác san lấp mặt bằng không xin phép, Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông vào ngày 19/3/2010 (bút lục 160, 161, 163, 164, 165) và ông Bùi Đức T đã viết cam kết thể hiện *“Tôi xin cam kết diện tích làm kho tạm để chứa vật liệu xây dựng là 40m². Sau này có dự án của Nhà nước Việt Nam quy hoạch tôi sẽ tháo dỡ phần xây dựng toàn bộ diện tích nói trên và không đòi hỏi về tài sản xây dựng”* (bút lục 162).

Đồng thời, ngày 30/7/2015, tại thời điểm lập biên bản kiểm kê đất đai và tài sản thiệt hại của thửa đất 95, ông T cũng xác định thửa đất 95 là loại đất CLN (bút lục 119-121). Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: 2. *Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất.* Nên khi thu hồi đối với thửa đất 95, tờ bản đồ số 3, (bản đồ địa chính được Sở T4 thẩm định ngày 29/4/2016), UBND huyện B đã xác định loại đất mà ông T bị thu hồi thuộc thửa đất 95 là đất **CLN** là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông Bùi Đức T cho rằng, loại đất của thửa đất 95 là đất phi nông nghiệp, ông đóng thuế đất phi nông nghiệp đầy đủ; tuy nhiên, theo ý kiến của cơ quan thuế huyện B trả lời đối với việc xác nhận vào đơn ngày 20/01/2016 ông Bùi Đức T là có nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2012-2015 đối với các thửa đất: Thửa đất thuộc lô số 15, khu dân cư số A, xã B (theo GCNQSD đất do UBND huyện B cấp ngày 15/11/2004, số giấy chứng nhận 02632), thửa đất thuộc thôn A (theo GCNQSD đất do UBND huyện B cấp cho ông Bùi Quảng n 09/12/2000) và thửa đất thuộc thôn A (theo GCNQSD đất do UBND huyện B cấp cho bà Châu Thị L1 vào ngày 09/12/2000); Theo Công văn số 846/CCT-NVQLT ngày 9/8/2023 của Chi cục thuế huyện B (BL 308) thì đối với hai thửa đất số 77, 95, tờ bản đồ số 3, xã B, ông Bùi Đức T không kê khai nộp thuế đất phi nông nghiệp.

Do đó, việc ông Bùi Đức T cho rằng, thửa đất 95 của ông mà UBND huyện B thu hồi là loại đất phi nông nghiệp là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.4] Mặt khác, UBND huyện B khi tính toán, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T tại 02 thửa đất (77, 95) với tổng diện tích thu hồi là 1.472,6m² đã căn cứ vào hồ sơ địa chính của thửa đất thể hiện loại đất ông Bùi Đức T sử dụng tại thời điểm bị thu hồi là loại đất cây lâu năm và xác định vị trí 1, đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ về đất là 30.000đồng/m² theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q ban hành quy

định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019). Hộ ông Bùi Đức T trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và được bồi thường nhà cửa vật kiến trúc, hoa màu theo quy định tại Điều 77, 83, 84 Luật Đất đai; Điều 20 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Q về việc ban hành mật độ cây trồng, đơn giá, nguyên tắc bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Công văn số 202/UBND-NNTN ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Q về việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn năm 2016.

Đối với nhà cửa, vật kiến trúc và công trình khác trên thửa đất của ông Bùi Đức T, tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B theo Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016, ông T đều xác định các công trình là nhà cửa, vật kiến trúc ông đã xây dựng vào năm 1998 sửa chữa lại vào năm 2009, 2010, có vật kiến trúc bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2010 nên UBND huyện B đã áp dụng mức bồi thường 20% và 0%, đồng thời ban hành Quyết định 3349/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Bùi Đức T, theo đó, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 380.966.245 đồng (trong đó bồi thường về đất là 176.712.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc 84.351.245 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu 119.903.000 đồng).

Như vậy, việc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T nêu trên là đúng quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q.

[2.2.5] Do ông T không đồng ý với các khoản bồi thường tại Quyết định 3349/QĐ-UBND nên để đảm bảo quyền lợi cho ông, UBND xã B, Trung tâm P đã kiểm tra, rà soát lại thời gian xây dựng nhà, vật kiến trúc trên đất (thuộc thửa đất 95) tại biên bản ngày 20/8/2020 (bút lục 100-111). Ngày 23/6/2021, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2047/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị V - đợt 6, địa điểm xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 26/7/2021 UBND huyện B ban hành Quyết định số 484/QĐ-UBND bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Đức T, xã B, huyện B, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc và công trình khác theo phương án được duyệt là 203.591.999 đồng.

[3] Ngoài ra, trong đơn kháng cáo bổ sung ngày 29/12/2023, ông Bùi Đức T cho rằng phần dịch vụ đo đạc thực tế theo hợp đồng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), ứng trước 4.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023 và thanh toán 5.000.000 đồng còn lại vào ngày 14/11/2023 cho Công ty TNHH T5 tại Quảng Ngãi nhưng Bản án ghi chi phí đo đạc chỉ 4.000.000 đồng là không đúng. Thấy rằng, tại bút lục số 370, ngày 6/10/2023, ông Bùi Đức T nộp 3.000.000 đồng (tam ứng chi phí tổ tụng); tại bút lục số 368, phiếu thu ngày 15/9/2023 của Chi

nhánh Công ty TNHH T5 tại Quảng Ngãi, ông Bùi Đức T3 nộp 4.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đặc ông Bùi Đức T phải chịu với số tiền 7.000.000 đồng (chi phí xem xét thẩm định: 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc: 4.000.000 đồng), ông Bùi Đức T thanh toán xong là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên kháng cáo không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Đức T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Đức T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Đức T, xã B.

- Hủy Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện B về việc bồi thường bổ sung cho hộ Bùi Đức T, xã B (có kèm theo giá trị bồi thường bổ sung đợt 3).

- Hủy Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện B về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ đợt 6 cho hộ ông Bùi Đức T, xã B - đợt 6.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc: Do không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức T nên ông phải chịu toàn bộ chi phí xem xét và đo đạc tại chỗ với số tiền 7.000.000 đồng (chi phí xem xét thẩm định: 3.000.000đ, chi phí đo đạc: 4.000.000đ). Ông Bùi Đức T đã thanh toán xong.

3. Về án phí phúc thẩm hành chính: Ông Bùi Đức T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002214 ngày 10/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cường